

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA ỐC VĨNH LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 – 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 27

4577

HIN
NGT
KIỂM
AO

NG-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2020 và đến thời điểm này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên
- Bà Trần Thị Thu Trà	Thành viên

Ông Trương Quốc Bình thôi làm thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 27/08/2020.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2020 và đến thời điểm này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Tấn Đạt	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Trương Lệ Chi	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên

Trong năm 2020, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2020 và đến thời điểm này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Trần Nguyễn Hoàng Nam	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trọng Long	Phó Tổng Giám đốc

Trong năm 2020, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động

Trụ sở của Công ty đặt tại số 91 – 93 , đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500174574 đăng ký lần đầu ngày 01/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

001
NH
AN
IET
C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Xây dựng công trình dân dụng: nhà ở, phi nhà ở, công trình văn hóa, thể thao thương mại, y tế;
- Xây dựng công sở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật: thủy lợi cấp thoát nước, hệ thống điện,...;
- Xây dựng công trình kỹ thuật khác: kết cấu công trình, lắp đặt, tháo dỡ các kết cấu phục vụ thi công, đổ và hoàn thiện bê tông;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật: giao thông (cầu, đường,...);
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Thiết kế và dự toán các loại công trình: công trình dân dụng (nhà ở và các công trình công cộng), công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp cao, công trình công nghiệp (nhà, xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, nhà kho, công trình kỹ thuật phụ thuộc), công trình nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm nông nghiệp, trạm chế biến nông sản);
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, giám sát thi công các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành dân dụng, công nghiệp;
- Dịch vụ hỗ trợ xây dựng;
- Kinh doanh: nhà ở, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Định giá bất động sản;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở và khu dân cư tập trung;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất các mặt hàng phục vụ thi công xây lắp công trình: bê tông đúc sẵn, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Sản xuất các mặt hàng phục vụ thi công xây lắp công trình: các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Mua bán các mặt hàng phục vụ thi công xây lắp công trình: bê tông đúc sẵn, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép, các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng công trình dân dụng: nhà ở, phi nhà ở, công trình văn hóa, thể thao thương mại, y tế;
- Xây dựng công sở;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, giám sát thi công các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh: nhà ở, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở và khu dân cư tập trung.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 27.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.419.173.009 VND
- Lợi nhuận khác	1.851.171.214 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.270.344.223 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.591.632.070 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	- VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế	15.678.712.153 VND

7. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

8. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

9. **Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty.

10. **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11. **Phê duyệt báo cáo tài chính**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vinh Long, ngày 14 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG CHỨC TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA ỐC
VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG
NGUYỄN NGỌC VŨ CHƯƠNG

JA457
CHÍNH
ÔNG
KIỂM
SAO
BẢNG



Số: 05/2021/BCKT/SV-CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long ("Công ty") được lập ngày 04 tháng 01 năm 2021, từ trang 7 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hung Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

0-001
ANH
/ TNHH
OÁN
VIỆT
P. CÁN

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ kèm theo Báo cáo kiểm toán số 081/2020/BCKT-CT.00030 ngày 20/06/2020 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Nhơn
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 14 tháng 04 năm 2021

Lê Thị Hồng Phương
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2021-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.127.987.810	74.798.025.026	
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	25.411.874.979	27.834.211.970	
1. Tiền	111		1.411.874.979	27.834.211.970	
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	-	
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2	5.000.000.000	5.000.000.000	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-	
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000	
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.3	8.757.420.328	12.218.832.749	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.083.854.085	2.056.796.995	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		722.630.699	984.882.615	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		10.364.504.872	13.838.215.367	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.413.569.328)	(4.661.062.228)	
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-	
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.4	31.894.052.427	29.625.290.307	
1. Hàng tồn kho	141		31.912.757.226	29.643.995.106	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.704.799)	(18.704.799)	
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		64.640.076	119.690.000	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.319.772	119.690.000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.8	61.320.304	-	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.263.609.117	1.342.529.707	
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-	
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		1.012.378.662	1.125.385.011	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.012.378.662	1.125.385.011	
- Nguyên giá	222		4.036.829.140	4.036.829.140	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.024.450.478)	(2.911.444.129)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-	
- Nguyên giá	228		-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-	
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-	
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-	
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.6	200.000.000	200.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		200.000.000	200.000.000	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-	
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		51.230.455	17.144.696	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		51.230.455	17.144.696	
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.391.596.927	76.140.554.733	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

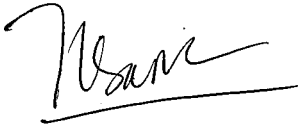
Mẫu số : B 01 - DN

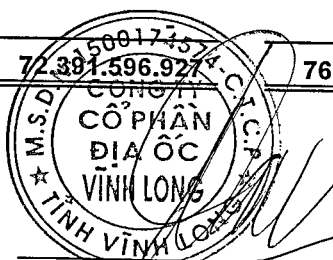

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.854.231.899	37.409.500.599
I. Nợ ngắn hạn	310		22.521.131.899	32.076.400.599
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	458.343.491	549.830.612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.7	7.480.493.437	12.851.474.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	1.885.114.991	4.541.416.636
4. Phải trả người lao động	314		1.104.277.291	1.045.629.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	4.257.489.755	2.388.495.774
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	5.415.074.358	9.059.233.202
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	1.830.517.633	1.640.321.077
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		89.820.943	-
II. Nợ dài hạn	330		5.333.100.000	5.333.100.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	5.333.100.000	5.333.100.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.537.365.028	38.731.054.134
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	44.537.365.028	38.731.054.134
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.535.500.000	26.535.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.535.500.000	26.535.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(446.975.913)	(446.975.913)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.333.557.457	2.333.557.457
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.115.283.484	10.308.972.590
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		436.571.331	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.678.712.153	10.308.972.590
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.391.596.927	76.140.554.733


Phùng Thị Kiều Oanh
Người lập


Đỗ Thị Mai Khanh
Kế toán trưởng



Trần Nguyễn Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		37.096.969.128	35.058.001.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	37.096.969.128	35.058.001.575
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	15.359.758.437	15.830.678.952
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		21.737.210.691	19.227.322.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	446.375.279	307.273.267
7. Chi phí tài chính	22		-	3.141.029
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	3.141.029
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	144.550.870	1.872.237.935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.619.862.091	5.802.518.713
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.419.173.009	11.856.698.213
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.956.356.637	1.319.302.541
12. Chi phí khác	32	VI.7	105.185.423	24.963.487
13. Lợi nhuận khác	40		1.851.171.214	1.294.339.054
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.10	18.270.344.223	13.151.037.267
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.591.632.070	2.786.064.677
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	15.678.712.153	10.364.972.590
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	6.015	3.581

Phùng Thị Kiều Oanh
Người lập

Đỗ Thị Mai Khanh
Kế toán trưởng



Trần Nguyễn Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số : B 03 - DN

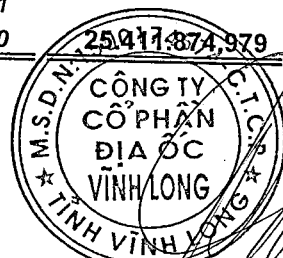
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính : VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.270.344.223	13.151.037.267
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	113.006.349	105.956.349
- Các khoản dự phòng	03	437.689.456	182.684.760
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(446.375.279)	(307.273.267)
- Chi phí lãi vay	06	-	3.141.029
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.374.664.749	13.135.546.138
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	3.708.905.321	2.211.592.776
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(2.268.762.120)	6.701.856.326
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN)	11	(8.931.596.074)	6.566.707.143
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	82.284.469	(74.559.317)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(3.141.029)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.613.818.660)	(2.073.093.133)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.450.000	11.120.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.886.335.955)	(717.895.845)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.472.791.730	25.758.133.059
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(70.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	446.375.279	307.273.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	446.375.279	(4.763.226.733)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(434.271.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.341.504.000)	(5.363.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.341.504.000)	(5.797.371.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.422.336.991)	15.197.535.326
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.834.211.970	12.636.676.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	25.411.874.979	27.834.211.970

Phùng Thị Kiều Oanh
 Người lập

Đỗ Thị Mai Khanh
 Kế toán trưởng



Trần Nguyễn Hoàng Nam
 Tổng Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500174574 đăng ký lần đầu ngày 01/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 26.535.500.000, tương đương 265.355 cổ phần.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 là 26.535.500.000, trong đó:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC (vốn Nhà nước)	1.937.770	19.377.700.000	73,03%
- Công ty TNHH Nhà hàng Thương mại và Thiết kế Xây dựng Như Thủy	270.080	2.700.800.000	10,18%
- Công ty CP Cảng Vĩnh Long	202.240	2.022.400.000	7,62%
- Công ty CP TV – TM – DV Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	116.220	1.162.200.000	4,38%
- Các cổ đông khác	80.410	804.100.000	3,03%
- Cổ phiếu quỹ	46.830	468.300.000	1,76%
Cộng	2.653.550	26.535.500.000	100,00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh bất động sản, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Xây dựng công trình dân dụng: nhà ở, phi nhà ở, công trình văn hóa, thể thao thương mại, y tế;
- Xây dựng công sở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật: thủy lợi cấp thoát nước, hệ thống điện,...;
- Xây dựng công trình kỹ thuật khác: kết cấu công trình, lắp đặt, tháo dỡ các kết cấu phục vụ thi công, đổ và hoàn thiện bê tông;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật: giao thông (cầu, đường,...);
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Thiết kế và dự toán các loại công trình: công trình dân dụng (nhà ở và các công trình công cộng), công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp cao, công trình công nghiệp (nhà, xưởng sản xuất, công trình phụ trợ,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- nhà kho, công trình kỹ thuật phụ thuộc), công trình nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm nông nghiệp, trạm chế biến nông sản);
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, giám sát thi công các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành dân dụng, công nghiệp;
 - Dịch vụ hỗ trợ xây dựng;
 - Kinh doanh: nhà ở, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
 - Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
 - Định giá bất động sản;
 - Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở và khu dân cư tập trung;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
 - Sản xuất các mặt hàng phục vụ thi công xây lắp công trình: bê tông đúc sẵn, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
 - Sản xuất các mặt hàng phục vụ thi công xây lắp công trình: các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
 - Mua bán các mặt hàng phục vụ thi công xây lắp công trình: bê tông đúc sẵn, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép, các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng công trình dân dụng: nhà ở, phi nhà ở, công trình văn hóa, thể thao thương mại, y tế;
- Xây dựng công sở;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, giám sát thi công các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh: nhà ở, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở và khu dân cư tập trung.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở của Công ty đặt tại số 91 – 93 , đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có.

Thông tin về công ty con và công ty liên kết: không có.

7. Thông tin so sánh: Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

50-00
HÀNH
Y TNH
TOÁN
VIỆT
TP. C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08 năm

6. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2020, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Năm 2020, Công ty tạm trích quỹ tiền lương người quản lý và quỹ lương người lao động vào chi phí với số tiền lần lượt là 1.347.840.000 và 2.678.709.171 theo Công văn số 19/CV.ĐỒ ngày 08/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty gửi cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước khu vực phía Nam. Các khoản sai biệt giữa quỹ tiền lương tạm trích và quỹ tiền lương được phê duyệt (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả phê duyệt quỹ tiền lương chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả về hoạt động xây lắp được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các công trình xây lắp đã hoàn thành trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Mức dự phòng bảo hành nhà bán được ghi nhận bằng 5% doanh thu của các nhà đã bán đang trong thời gian bảo hành.

11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Trong năm 2020, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận căn cứ vào báo cáo khối lượng xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu hoặc báo cáo quyết toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm 2020, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2020 đã được giảm 30% theo hướng dẫn tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ. Lợi nhuận làm căn cứ để tính giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 của Công ty.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2020, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	495.920.845	317.482.340
Tiền gửi ngân hàng	915.954.134 (a)	27.516.729.630
Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000 (b)	-
Cộng	<u>25.411.874.979</u>	<u>27.834.211.970</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

14577
CHÍNH
ÔNG
KIỂM
SAO
BẢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Vĩnh Long	674.601.099	14.901.324.746
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long	204.189.652	5.560.652.996
- Các ngân hàng khác	37.163.383	7.054.751.888
Cộng	915.954.134	27.516.729.630

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Vĩnh Long	19.000.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cần Thơ	5.000.000.000	-
Cộng	24.000.000.000	-

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Vĩnh Long	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.083.854.085 (c)	2.056.796.995
Trả trước cho người bán ngắn hạn	722.630.699 (d)	984.882.615
Phải thu ngắn hạn khác	10.364.504.872	13.838.215.367
- Phải thu ngắn hạn khác	10.313.423.868 (e)	13.747.935.363
- Tạm ứng	47.331.004	46.194.004
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.750.000	44.086.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.413.569.328) (f)	(4.661.062.228)
Cộng	8.757.420.328	12.218.832.749

(c) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyễn Quốc Dũng	492.000.000	-
- Nguyễn Hữu Nghi	442.000.000	-
- Lê Thanh Thảo	260.000.000	-
- Nguyễn Thị Trúc Ly	219.000.000	-
- Các khách hàng khác	670.854.085	2.056.796.995
Cộng	2.083.854.085	2.056.796.995

0-001-
 ANH
 Y TNH
 OAN
 VIET
 (P. CÁN)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước cho người bán về hoạt động xây lắp	612.630.699	874.882.615
- Trả trước cho người bán về hoạt động khác	110.000.000	110.000.000
Cộng	722.630.699	984.882.615

(e) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu lại kinh phí công đoàn nộp thừa	-	879.500
- Phải thu lại bảo hiểm xã hội của nhân viên	-	2.279.412
- Phải thu lại bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên	33.236.049	22.844.011
- Tạm ứng thi công của các Xí nghiệp	6.885.771.557	9.503.148.427
- Đặng Vũ Phong	1.967.686.345	1.967.686.345
- Nguyễn Thanh Trung	973.912.907	973.912.907
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	452.817.010	1.277.184.761
Cộng	10.313.423.868	13.747.935.363

(f) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2020 theo tuổi nợ như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	76.295.080	50%	38.147.540	38.147.540	-
- Nợ quá hạn trên 3 năm	4.375.421.788	100%	4.375.421.788	4.375.421.788	-
Cộng	4.451.716.868		4.413.569.328	4.413.569.328	-

Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2020 theo khoản mục nợ như sau:

	Nợ khó đòi	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu NH khách hàng	362.486.535	324.338.995	324.338.995	-
- Lâm Hoàng Vai	162.631.233	162.631.233	162.631.233	-
- Nguyễn Văn Quý	102.281.495	102.281.495	102.281.495	-
- Nguyễn Văn Phú	76.295.080	38.147.540	38.147.540	-
- Công ty TNHH Phương Hoàng	17.386.274	17.386.274	17.386.274	-
- Các khách hàng khác	3.892.453	3.892.453	3.892.453	-
Trả trước cho người bán NH	714.014.072	714.014.072	714.014.072	-
- Nguyễn Thanh Trung	599.514.072	599.514.072	599.514.072	-
- Trung tâm Quy hoạch Xây dựng Đô thị nông thôn	88.000.000	88.000.000	88.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	26.500.000	26.500.000	26.500.000	-
Phải thu NH khác	3.375.216.261	3.375.216.261	3.375.216.261	-
- Đặng Vũ Phong	1.967.686.345	1.967.686.345	1.967.686.345	-